

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/05/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	BK5+P3+P1	7:25	10+12+0	0+0+0		4+8+10	0+0+0	
2	427	P7+P4	7:25	15+7	0+0		11+11	0+0	
3	420	BK6+BK4+P2	7:25	7+0+15	0+0+0		5+2+15	0+0+0	TRANS 2 PAX BK6-BK4
4	424	P4+P5	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
5	424	P2+P1	9:25	11+11	0+0		9+13	0+0	
6	427	AMD	9:25	22	0		22	0	
7	420	GTCl+TD3+P2	9:25	3+10+9	0+0+0		2+10+10	0+0+0	
8	406	P1+P5	11:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
9	427	P1+AMD	11:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
10	420	P7+P3+BK5	11:25	12+10+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
LD VIETSOVPETRO/ĐI VỀ TRONG NGÀY : P7-ING, BK5-5NG . P3-4 NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2018	TO: BK5 - P3 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN THUC LOI	BK5	41	1	4	65	65	D-HANH	Vietnamese
2	LE NGOC AN	BK5	43-44	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HO HUU LINH	BK5	39-40	2	14		81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THUY	BK5	37	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THANG	BK5					73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG TUNG	BK5					70	KH-THAC	Vietnamese
8	QUAN DUC THANG	BK5	36	1	3		63	NIPI	Vietnamese
9	PHAN VAN THINH	BK5	42	1	5		73	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN DUC QUANG	BK5	35	1	5		98	PSV	Vietnamese
11	LE HONG DAI	P3	91	1	7		73	D-HANH	Vietnamese
12	MAI XUAN THANH	P3	90	1	5		66	D-HANH	Vietnamese
13	TRINH HOANG NGUYEN	P3	89	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	SAVELEV	P3	87	1	5		110	NIPI	Russian
15	PHAN MINH HOAI	P3	84-85	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUU	P3	88	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	DO VAN DAM	P3	83	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
18	DONG VAN THINH	P3	86	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI SY CONG	P3	92	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN QUOC BINH	P3	82	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
21	LAI DUC BAY	P3	93	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	10	10	61	728	65	4		
2	P3	11	12	64	805	0	8		
3	P4	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	22	125	1.533	65	22		
WEIGHT KG				125	1.533	65			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2018	TO: BK6 - BK4 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HÒI - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC HUNG	BK6					55	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN HIỆU	BK6	46	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH PHÚC AM	BK6	45	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	BK6	43-44	2	14	75	62	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI MẠNH CHÍNH	BK6	19	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
6	LIU MẠNH TIẾN	BK6	20	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHE	BK6	42	1	9		60	PSV	Vietnamese
8	PHAM SY HIEP	P2	80-81	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
9	KHOKHLOV	P2	66	1	10		97	KH-THAC	Russian
10	HOANG THANH HOA	P2	79	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VIỆT THANH	P2	64-65	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ ANH	P2	78	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH BA ĐỒNG	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MINH ĐỨC	P2	72-73	2	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG TUAN KIET	P2	67	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAC ĐỨC HUY	P2	71	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGỌC DŨNG	P2	68	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HUNG	P2	75	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LIU VAN TU	P2	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	69-70	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN NAM	P2	77	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	76	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	7	7	53	430	75	5	2	CHUYEN 02 PAX TU BK6 SANG BK4
2	BK4	0	0	0	0	24	2		
3	P2	15	18	90	1.040	0	15		
TOTAL		22	25	143	1.470	99	22		
WEIGHT KG				143	1.470	99			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-May-18	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PANKRATOV	P7					92	ANTOAN	Russian
2	NG. PHUC ANH ĐÔNG	P7	07-08	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG NGOC TUNG	P7	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	LUONG ANH TUAN	P7	05	1	5	100	62	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN HOAN	P7	06	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HUNG	P7	15	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN LOI	P7	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRONG AN	P7	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG VAN QUANG	P7	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN THIEN	P7	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VU TRUNG KIEN	P7	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	KHUONG VAN THAO	P7	03-04	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN KHOAI	P7	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SON	P7	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN TRONG TUONG	P7	11-12	2	17		84	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG BINH	P4	71-73	3	12		72	YTE	Vietnamese
17	VU MANH HA	P4	70	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN PHONG	P4					75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUY THAI	P4	69	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
20	VU BAO AN	P4	68	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG VINH	P4	75	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG HUU HAU	P4	67	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	15	17	103	1.082	100	11		
2	P4	7	8	37	511	20	11		
TOTAL		22	25	140	1.593	120	22		
WEIGHT KG				140	1.593	120			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/05/2018	TO: P4 - P5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Cương - Hải - Thảo	ETA: 09:30
TRANG-1			

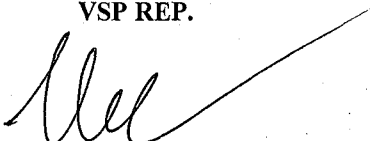
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THAI SƠN	P4	36	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	33	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI MINH TUAN	P4	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THĂNG	P4	31	1	7		96	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN NGOC TUAN	P4	28	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NHAN HAI	P4	29	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHANH	P4	18	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P4					69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VŨ HỒNG HÀ	P4	08	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ DUY TRUNG	P4	19	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ SỸ KHOA	P4	11	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
12	HA TÂN DŨNG	P4	13	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI QUANG SƠN	P4	10	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO MẠNH DŨNG	P4	12	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG TRUNG	P4	32	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	34	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN HỒNG TAM	P4	14-15	2	10		56	KHI	Vietnamese
19	VŨ VĂN ĐỨC	P4	09	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TẠO	P4	35	1	4		82	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN DŨNG	P4	17	1	5		70	NIPI	Vietnamese
22	PHAN NGỌC QUYẾT	P4	16	1	6		74	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

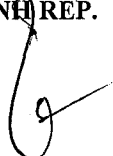
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	22	122	1.485	0	18		
2	P5	0	0	0	0	90	4		
TOTAL		22	22	122	1.485	90	22		
WEIGHT KG				122	1.485	90			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2018	TO: P2 - P1	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Cương - L Hải - THẢO	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	53	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THỌ DUNG	P2	57	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	49	1	4		45	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ SINH TÂM	P2	50	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KHÁC LAM	P2	51	1	5	33	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	56	1	13		51	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	K. LING	P2	52	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	55	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	P1	01-02	2	13		74	YTE	Vietnamese
11	PHAN VĂN CHIÊN	P1	501-502	2	15		80	VNPT-BRV	Vietnamese
12	PHAN HUY ĐẠO	P1	10-11	2	15		60	VNPT-BRV	Vietnamese
13	VŨ VĂN MẠNH	P1					85	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MINH HIẾU	P1	06	1	4	112	66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG THỌ	P1					83	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN TỰ	P1	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN SY DU	P1	05	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN THẮNG	P1	07	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN THẮNG	P1	03-04	2	17		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	09	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ KIM OANH	P1	510-511	2	9		57	D-SONG	Vietnamese
22	LÊ QUANG TIẾN	P1	509	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	9	59	583	33	9		
2	P1	13	16	104	901	112	13		
TOTAL		22	25	163	1.484	145	22		
WEIGHT KG				163	1.484	145			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2018	TO: AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạng - Huy	ETA: 11:15
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	46	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	K' LỘC	AMD	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THANH	AMD	31	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SANH	AMD	327	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THE	AMD	32-33	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VAN SAU	AMD	53	1	5	80	70	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG VAN ĐÔNG	AMD	47-48	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	56	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN NGOC THU	AMD	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH NGOAN	AMD	35-36	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG ĐỨC HUNG	AMD	28	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH DUNG	AMD	30	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI BA HUNG	AMD	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH SONG	AMD	34	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	42	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	44-45	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN CONG THANH	AMD	39-40	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HA	AMD	29	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	27	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	HA VAN THUY	AMD	37-38	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
21	LE CHI CUONG	AMD	54-55	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRUONG THE KHAI	AMD	43	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	29	153	1.517	80	22		
	TOTAL	22	29	153	1.517	80	22		
	WEIGHT KG			153	1.517	80			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-May-18	TO: GTC1 - TD3 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HỒI - CHIẾN - MQUÂN	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ BÁ THUẬN	GTC1	98	1	13	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN GIA CUONG	GTC1	73-74	2	10	40	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN ANH	GTC1	75	1	10		63	DVL	Vietnamese
4	NGHIEM XUAN VIET	TD3	66	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH QUANG CHIẾN	TD3	62	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN SƠN	TD3	58	1	11		82	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ TRẦN TRUNG	TD3	57	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG ỨT	TD3	59	1	7	15	74	NHATHAU	Vietnamese
9	NGUYỄN TẤT HOÀ	TD3				40	80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN THUẬN	TD3	64	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH SƠN	TD3	63	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THANH	TD3	65	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÔNG XUAN CHIẾN	TD3	61	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	LE VAN THOA	P2	82	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	P2	89	1	10		87	CODIEN	Vietnamese
16	PHAN NGOC AN	P2	90-91	2	9		80	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN ANH SON	P2	84	1	7		62	KHI	Vietnamese
18	PHAM ĐỨC TOÀN LỘC	P2	85	1	10		80	KHI	Vietnamese
19	BUI ĐĂNG TIẾN	P2	83	1	11		69	KHI	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TUẤN	P2	87	1	5		80	KHI	Vietnamese
21	PHẠM HỒNG THÁI	P2	86	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	ARTUSHIN	P2	88	1	13		90	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	3	4	33	193	80	2		
2	TD3	10	9	75	705	55	10		
3	P2	9	10	80	687	0	10		
TOTAL		22	23	188	1.585	135	22		
WEIGHT KG				188	1.585	135			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-May-18	TO: P1 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Vận - QViệt - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUY NGHIỆP	P1				20	74	KH-THAC	Vietnamese
2	VI KHAC THANH	P1	22	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU VAN TUAN	P1	24	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DUY KHANH	P1	23	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHANH DUY	P1	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG KHANH	P5	63	1	9	30	81	ĐANG KIEM	Vietnamese
7	BUI VAN BAC	P5					74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG PHUC	P5	83	1	4		49	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM TU ANH	P5	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI VAN BA	P5	94	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MACH	P5	88	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ĐỨC THANH	P5	64	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KHAI	P5	62	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	P5	91	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	VU QUANG HUNG	P5	86	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TU VAN SON	P5	800	1	7		75	PSV	Vietnamese
17	ĐAO VAN THANG	P5	89	1	9		55	PSV	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC CHI	P5	92	1	6		68	PSV	Vietnamese
19	ĐAO XUAN THANH	P5	90	1	8		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MINH GIAU	P5	84-85	2	8		65	PSV	Vietnamese
21	HOANG NGOC HOA	P5	87	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	5	4	23	343	20	6		
2	P5	16	16	92	1.083	30	16		
TOTAL		21	20	115	1.426	50	22		
WEIGHT KG				115	1.426	50			

GRAND TOAL: 1.591 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/05/2018	TO: P1 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - Huy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ HỮU CHUNG	P1	45	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	54	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	49	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	55	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	47	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	48	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	52	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO ĐĂNG PHONG	P1	49	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG YẾN	P1	51	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NÔNG	P1	50	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN DƯ	P1	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN THANH	AMD	58	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOANG LONG	AMD	64-65	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ TRI HÙNG	AMD	59	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO XUAN LOI	AMD	60-61	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN TUAN	AMD	62-63	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DAC HUY	AMD	71-72	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THUY HAI	AMD	67-68	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAO TIÊN THANH	AMD	69-70	2	10		88	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VIỆT DỤC	AMD	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	11	11	61	743	0	9		
2	AMD	9	15	86	660	0	13		
TOTAL		20	26	147	1.403	0	22		
WEIGHT KG				147	1.403	0			

GRAND TOTAL: 1.550 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-May-18	TO: P7 - P3 - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hôi - TRUÔNG - MQUÂN	ETA: 13:20
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUY TAI	P7	72	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
2	HA QUANG TRUNG	P7	74	1	11		50	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAM VAN QUANG	P7	12	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	P7	11	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ NG KHÁNH DUY	P7	71	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HUY	P7	13	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN ĐỨC	P7					71	PSV	Vietnamese
8	BUI ĐAC CANH	P7	99	1	6		62	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HANH	P7	69	1	14		73	PSV	Vietnamese
10	HOANG VIET HUNG	P7	73	1	7		70	PSV	Vietnamese
11	PHAM VAN ĐO	P7	14	1	8		60	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN LINH	P7	70	1	6		60	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN LÊ TUNG	P3	94	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG BA VINH	P3	95-96	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO XUÂN LONG	P3	77	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG CÔNG ĐANG	P3	76	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SOAI	P3	700	1	7	20	75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC TUẤN	P3	97-98	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN CHUONG	P3	78	1	11		50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG DUNG	P3	99	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HỮU	P3	80	1	3		62	GETRACO	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LUONG	P3	79	1	4		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	11	98	759	0	10		
2	P3	10	12	86	637	20	7		
3	BK5	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	184	1.396	20	22		
WEIGHT KG				184	1.396	20			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN